

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 197/GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Nam Tiến số 335/TTr-NT ngày 28/11/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 808/TTr-SNNMT ngày 05/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Tiến, địa chỉ tại Số 3/1, đường Bắc Kạn, Tổ 1, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: Kho bãi tập kết hàng hoá thôn A Deng, xã A Ngo, huyện Đakrông (nay là xã La Lay, tỉnh Quảng Trị) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Kho bãi tập kết hàng hoá thôn A Deng, xã A Ngo, huyện Đakrông (nay là xã La Lay, tỉnh Quảng Trị).

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn A Deng, xã La Lay, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 4600384281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22/3/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/6/2024.

1.4. Mã số thuế: 4600384281.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trạm trung chuyển và kho bãi chứa than.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích là 12,515 ha tại thôn A Deng, xã La Lay, tỉnh Quảng Trị. Quy mô các hạng mục như sau:

+ Công trình chính: Tổng diện tích: 47.279 m², gồm: Kho bãi trong nhà: 05 Nhà kho chứa than (1A, 1B, 2A, 2B, 2C) có tổng diện tích 42.960 m² có sức chứa 460.000 tấn/ngày; 09 Trạm truyền tải với tổng diện tích 1.073,3 m²; 02 Silo xuất than với tổng diện tích 468,4 m²; Trạm dẫn động 28,1m²; Hệ thống băng tải tiếp nhận than: 23 cái dài 1.871,5m; Hệ thống băng tải xuất than: 06 cái dài 771m; Nhà điều khiển trung tâm diện tích: 135m²,

+ Công trình phụ trợ: Tổng diện tích 32.031 m², gồm: Nhà điều hành và nhà ăn; Nhà ở công nhân, 03 Trạm biến áp; 02 nhà xe, Trạm cân ô tô, Hệ thống phòng cháy chữa cháy...

+ Công trình bảo vệ môi trường: Tổng diện tích 45.840m², gồm: Hệ thống xử lý nước thải 1.020 m², Nhà vệ sinh chung 60m², Cây xanh và hạ tầng bảo vệ môi trường khác 44760m².

- Nhóm Dự án: B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất: Kho chứa than có sức chứa 460.000 tấn/ngày.

- Tóm tắt Quy trình công nghệ sản xuất:

Quy trình xuất, nhập than: Hệ thống băng tải than Lào - Việt Nam → Trạm chuyển tải, hệ thống băng tải tiếp nhận than → Kho bãi tập kết → Máy xúc lật → Trạm chuyển tải, hệ thống băng tải xuất than → Silo → Xe chở than → Xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về Bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nam Tiến có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

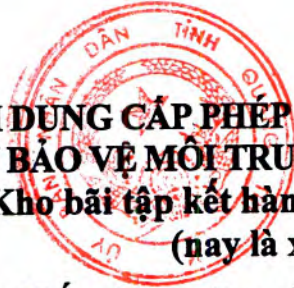
Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nam Tiến;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Các Sở: NN&MT, Công Thương, Xây dựng;
- Ban Quản lý KKT tỉnh;
- UBND xã La Lay;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thu). /.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI **Dự án: Kho bãi tập kết hàng hoá thôn A Deng, xã A Ngo, huyện Đakrông** **(nay là xã La Lay, tỉnh Quảng Trị)**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 197/GPMT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà điều hành, nhà ăn.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà vệ sinh chung.
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà ở công nhân.
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 5: Nước thải từ quá trình xịt rửa, vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi khu vực bãi tập kết.
- Nguồn số 6: Nước mưa chảy tràn qua khu vực sân đường nhiễm than (phát sinh khi có mưa).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng thải số 1 (tương ứng nguồn thải số 1 đến nguồn số 6): Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước nhiễm than sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR và hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ đầu nối vào hệ thống đường ống HDPE Ø800 dài 250m thoát ra Quốc lộ 15D sau đó theo mương thoát nước dọc Quốc lộ 15D và đổ về khe suối La Hot, cụ thể:

- Nước thải sinh hoạt (tương ứng nguồn thải số 1 đến nguồn số 4): Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 05 ngăn sẽ theo đường ống đường HDPE Ø200 dài 137m đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B) sẽ theo ống nhựa HDPE Ø200 dài 45m đầu nối vào Hồ điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước nhiễm than (tương ứng nguồn số 5 và nguồn số 6): Toàn bộ nước từ quá trình xịt rửa, vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi khu vực bãi tập kết và nước mưa chảy tràn qua khu vực sân đường nhiễm than phát sinh sẽ theo các rãnh

thoát nước KT (60×60)cm dài L = 1.936m, (80×60)cm dài L = 798m, (100×60)cm dài L = 582m, (120×60)cm dài L = 348m dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công nghệ lắng - lọc để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống HDPE Ø800 dài 250m thoát ra Quốc lộ 15D, sau đó theo mương thoát nước dọc Quốc lộ 15D và đổ về khe suối La Hot.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Mương thoát nước dọc Quốc Lộ 15D, thuộc xã La Lay, tỉnh Quảng Trị.

- Nguồn tiếp nhận: Khe suối La Hot.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.808.498,24m; Y: 605.530,37m.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°00', mũi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.757,26 m³/ngày.đêm, trong đó:

- Nước thải sinh hoạt: 28,56 m³/ngày.đêm

- Nước thải sản xuất (từ quá trình rửa lớp xe): 26 m³/ngày.đêm

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm than: 2.702,7 m³/ngày.đêm

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày (24/24h).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Bảng 1 (F > 2 000 m³/ngày), Bảng 2, Cột B). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40	06 tháng/lần, Chủ dự án cam kết	Không áp dụng
2	pH	-	6 - 9		
3	Độ màu	Pt-Co	≤ 100		
4	TSS	mg/l	≤ 60		
5	BOD ₅	mg/l	≤ 50		
6	COD	mg/l	≤ 70		
7	Tổng N	mg/l	≤ 40		
8	Tổng P	mg/l	≤ 6		
9	Fe	mg/l	≤ 10		
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0		
11	Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt tại 03 nhà vệ sinh tại 03 khu vực nhà điều hành - nhà ăn, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh chung sẽ được thu gom bằng đường HDPE Ø160 tổng chiều dài 45m từ 03 nhà vệ sinh dẫn vào xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn với thể tích 40 m³ để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR, sau đó đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án trước khi thoát ra môi trường.

- Đối với nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà ăn sẽ được thu gom bằng đường HDPE Ø160 dài 40m dẫn vào xử lý bằng bể tách dầu mỡ 3 ngăn để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt chung bằng công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR, sau đó đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án trước khi thoát ra môi trường.

- Nước thải sau khi xử lý bằng công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B) sẽ theo ống nhựa HDPE Ø200 dài 45m đầu nối vào Hồ điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b. Nước xịt rửa xe và nước mưa chảy tràn qua các khu vực có nhiễm than:

- Đối với nước từ quá trình xịt rửa lốp xe sẽ theo đường ống HDPE D300 dài 135m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Đối với nước mưa có lẫn than trên sân, đường bê tông sẽ được thu gom theo rãnh thoát nước KT (60×60)cm dài L = 1.936m, (80×60)cm dài L = 798m, (100×60)cm dài L = 582m, (120×60)cm dài L = 348m dọc tuyến đường giao thông nội bộ sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải nằm phía Đông của Dự án.

- Đối với nước mưa chảy tràn tại khu vực khác của Dự án có lẫn than được thu gom bằng các tuyến rãnh, tuyến cống dẫn về trạm xử lý nước thải. Hệ thống xây dựng thiết kế đảm bảo trong thời gian mưa lớn kéo dài 6 giờ sẽ đưa nước mưa chảy tràn nhiễm than về Trạm xử lý nước thải để xử lý trước khi thoát ra môi trường. Đối với các đợt mưa kéo dài thì sau 6 giờ, Dự án sẽ thiết kế van điều tiết để điều chỉnh cho hệ thống thu gom thoát nước được thoát lượng nước bề mặt trên các tuyến mương, cống rãnh trực tiếp ra hệ thống thoát nước tại QL15D nhằm giảm tải cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án; lượng nước đáy mương, rãnh được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh được thu gom và đưa về Bể tự hoại 05 ngăn cải tiến BASTAF bố trí ở khu vực Nhà Điều hành - nhà ăn, Nhà ở công nhân; Bể tự hoại 05 ngăn có tổng thể tích khoảng 40 m³ gồm 01 ngăn

chứa, 02 ngăn lắng và 02 ngăn lọc kỵ khí. Nước thải sau khi xử lý sẽ được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR và thoát ra môi trường.

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn → Bể gom → Màng lọc MBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Kích thước các công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Bể tự hoại 05 ngăn có tổng thể tích khoảng 40 m^3 .

+ Bể thu gom: $2\text{m} \times 1\text{m} \times 1,25\text{m}$.

+ Bể xử lý màng lọc MBR: $2\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$.

+ Bể khử trùng: $2\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$.

- Hóa chất: Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này).

- Nước thải sau khi xử lý bằng công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR sẽ theo ống nhựa HDPE Ø200 dài 45m đầu nối vào hồ điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b. Nước mưa chảy tràn (nhiễm than):

- Toàn bộ nước mặt trong khu vực lập quy hoạch có dính bụi than được thu gom bằng các tuyến rãnh, tuyến cống dẫn về trạm xử lý nước rồi thoát ra hệ thống thoát nước tại QL15D. Hệ thống xây dựng thiết kế đảm bảo trong thời gian mưa lớn kéo dài 6 giờ sẽ đưa nước mưa chảy tràn nhiễm than về Trạm xử lý nước thải để xử lý trước khi thoát ra môi trường. Sau 6 giờ, lượng sân bãi đã được nước mưa chảy tràn làm sạch bề mặt do đó Dự án sẽ thiết kế van điều tiết để điều chỉnh cho hệ thống thu gom thoát nước thoát trực tiếp ra hệ thống thoát nước tại QL15D nhằm giảm tải cho hệ thống xử lý Dự án.

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước mưa chảy tràn nhiễm than + Nước thải sinh hoạt đã xử lý → Hồ điều hòa → Bể Keo tụ - Tạo bông → Bể Lắng → Bể lọc qua 4 lớp vật liệu lọc → Hồ chứa → Hệ thống thoát nước trên Quốc lộ 15D.

- Kích thước các công trình xử lý nước thải tập trung:

+ Hồ điều hòa: $28\text{m} \times 25\text{m} \times 4,0\text{m}$.

+ Bể Keo tụ - Tạo bông: $11\text{m} \times 8\text{m} \times 4,0\text{m}$.

+ Bể Lắng: $16\text{m} \times 11\text{m} \times 4,0\text{m}$.

+ Bể lọc qua 4 lớp vật liệu lọc: $16\text{m} \times 11\text{m} \times 4,0\text{m}$.

+ Hồ chứa: $45\text{m} \times 12\text{m} \times 3,5\text{m}$

- Các bể được xây dựng bằng vật liệu xây dựng: đáy bằng BTCT, tường xây gạch; trên bề mặt bố trí các tấm lưới thép chắn rác; riêng Hồ chứa có đáy và thành hồ lót bạt HDPE dày 1,2m.

- Hóa chất: PAC (Poly Aluminium Chloride), Polyme (PAM - Polyacrylamide) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này).

- Thoát nước thải: Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B sẽ được dẫn theo đường ống HDPE Ø800 dài 250m thoát ra hệ thống thoát nước trên tuyến đường Quốc lộ 15D. Tại vị trí điểm trước khi nước thải xả thải ra Quốc Lộ 15D, Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng hố gas kích thước 1,0 m x 1,0m x 1,0m và lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng để kiểm soát lưu lượng xả thải ra môi trường tiếp nhận. Nước thải theo mương thoát nước dọc Quốc lộ 15D và đổ về khe suối La Hot.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Dự án có tổng lưu lượng nước phát sinh đưa vào hệ thống xử lý là 2.757,26 m³/ngày.đêm, trong đó nước thải phát sinh là 54,56 m³/ngày.đêm (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) và còn lại là nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm than với lưu lượng 2.702,7 m³/ngày.đêm.

- Căn cứ theo quy định tại điều 97 và 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 của Điều 111 và 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Dự án có phát sinh nước thải 54,56 m³/ngày.đêm không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Dự kiến Quý IV năm 2026, bắt đầu từ khi Dự án xây dựng hoàn thiện, trước khi đi vào vận hành chính thức.

- Trước khi vận hành thử nghiệm 10 ngày có kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng công nghệ hóa – lý kết hợp lọc chậm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ sinh học hiếu khí kết hợp màng lọc MBR:

- + Vị trí lấy mẫu đầu vào: Tại hố gom đầu vào sau bể tự hoại 05 ngăn của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- + Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại hố gas sau bể khử trùng của Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng công nghệ hóa – lý kết hợp lọc chậm:

- + Vị trí lấy mẫu đầu vào: Tại Hồ điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Vị trí mẫu đầu ra: Tại Hố gas sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi nước thải của Dự án xả thải ra Quốc Lộ 15D.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép đầu nổi theo quy định tại Mục A Phụ lục này; đối với Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt thì đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn của QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung ($F \leq 2\,000\text{ m}^3/\text{ngày}$, cột B).

2.3. Tần suất quan trắc

Tần suất quan trắc chất thải do Chủ Dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc mẫu đầu ra ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa không chảy tràn vào các khu vực nhà kho chứa than, tách riêng nước tại các khu vực không nhiễm than với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Đầu tư các hạng mục bổ sung nếu quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn như đã cam kết.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Dự án: Kho bãi tập kết hàng hoá thôn A Đeng, xã A Ngo, huyện Đakrông (nay là xã La Lay, tỉnh Quảng Trị)

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **197**/GPMT-UBND ngày **12** tháng **12** năm **2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển.
- Nguồn số 2: Bụi phát sinh do rơi vãi và bụi cuốn lên từ mặt đường trong quá trình vận chuyển.
- Nguồn số 3: Bụi từ quá trình xuất nhập, xuất than.
- Nguồn số 4: Bụi phát sinh từ bãi chứa hàng.

2. Nội dung cấp phép

Các nguồn thải này phát sinh phân tán và được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi nên không thuộc đối tượng cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

*** Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn bốc xúc, lưu trữ và vận chuyển hàng:**

- Than được tập kết bố trí trong khu vực nhà kho nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh, cũng như nước mưa nhiễm than tại khu vực.
- Đối với hoạt động băng tải tại khu vực dự án, hệ thống máy móc được đầu tư đồng bộ, công nghệ hiện đại, chủ yếu sử dụng nguồn năng lượng điện nên khí thải phát sinh hầu như không lớn, nằm trong tiêu chuẩn môi trường và tiêu chuẩn vệ sinh lao động được ban hành theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế và theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- Lắp đặt hệ thống giàn phun sương tự động tại khu vực tập kết than nhằm phun ẩm than đá trong thời gian xuất nhập than, giảm thiểu lượng bụi phát sinh. Dự án sẽ bố trí 350 bec phun ẩm với chiều dài đường ống cấp nước khoảng 1.500m chạy xung quanh khu vực Kho bãi trong 01, Kho bãi trong nhà 02 và tại 02 silo xuất than. Cách lắp đặt phổ biến là dùng ống PVC cứng, khoan lỗ và lắp đầu phun trực tiếp vào đó hoặc dùng béc phun kẹp ống nhựa để dễ dàng điều chỉnh và sử dụng; kích thước đường ống bao gồm đường ống chính D90mm và ống nhánh D27mm. Tần suất phun sương tối thiểu 10 lần/ngày, tùy vào tình hình thực tế Công ty sẽ tăng tần suất đảm bảo giảm thiểu bụi đáp ứng yêu cầu.

- Thường xuyên phun ẩm dọc tuyến đường Quốc lộ 15D đoạn đi qua khu vực bãi tập kết trong những ngày nắng ráo. Tần suất phun nước tối thiểu 05 lần/ngày, tùy vào tình hình thực tế Công ty sẽ tăng tần suất phun ẩm.

- Duy trì và trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực dự án với diện tích 44.760 m² (chiếm 35,76%).

- Quy hoạch vị trí khu vực bến bãi hợp lý, hạn chế khả năng phát tán bụi ra môi trường trên cung đường vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển phải có bạt che kín thùng, không chở quá tải và không chất nguyên liệu vượt quá thành xe, xe không chạy quá vận tốc quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: quần áo bảo hộ lao động, kính bảo hộ, găng tay bạt 2 lớp, khẩu trang... cho cán bộ công nhân viên và tiến hành hành khám sức khỏe định kỳ cho công nhân theo quy định.

- Bố trí các điểm rửa xe, xịt lốp xe trước khi ra khỏi bãi tập kết để hạn chế lốp xe khi ra khỏi phạm vi kho bãi mang than, bụi than xả thải ra môi trường. Bố trí máng rửa bánh xe kích thước (0,3×0,4)m thực hiện xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi Bãi tập kết. Nước thải từ hoạt động tại khu vực rửa bánh xe được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

** Giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển:*

- Xe vận chuyển phải được phủ bạt kín trong suốt quá trình lưu thông trên tuyến đường.

- Các phương tiện hoạt động như ô tô, máy xúc, máy nâng... phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và có giấy phép sử dụng của cơ quan Đăng kiểm.

- Quy định các phương tiện trong thời gian chờ xuất, nhập hàng không được nổ máy để giảm lượng khí thải phát sinh.

- Giới hạn tốc độ của các phương tiện trên tuyến để hạn chế lượng khí thải.

- Sử dụng các thiết bị máy móc, phương tiện vận chuyển mới, để giảm lượng khí thải phát ra từ các thiết bị, phương tiện này.

- Các chủ phương tiện phải chấp hành đúng các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.

** Biện pháp vệ sinh sân bãi:*

- Vệ sinh, thu gom, quét dọn mặt bằng sân bãi, đường trong bãi để hạn chế bụi phát tán vào môi trường (tối thiểu 2 lần/ngày).

- Khi thời tiết khô, nắng thì khu vực đường nội bộ thường xuyên phun nước tạo ẩm nhằm hạn chế bụi phát sinh.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Đầu tư các hạng mục bổ sung nếu quá trình vận hành các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải không đạt quy chuẩn như đã cam kết.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Kho bãi tập kết hàng hoá thôn A Đeng, xã A Ngo, huyện Đakrông
(nay là xã La Lay, tỉnh Quảng Trị)

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **197**/GPMT-UBND ngày **12** tháng **12** năm **2025**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ Trạm chuyển tải, hệ thống băng tải tiếp nhận than.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ Trạm chuyển tải, hệ thống băng tải xuất than.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của Máy xúc lật.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động vận chuyển than.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Trạm chuyển tải, hệ thống băng tải tiếp nhận than. Tọa độ X: 1.808.931,29 m; Y: 605.383,20 m;
- Nguồn số 02: Trạm chuyển tải, hệ thống băng tải xuất than. Tọa độ X: 1.808.707,63 m; Y: 605.314,30 m.
- Nguồn số 03: Khu vực 05 kho than. Tọa độ điểm đại diện: X: 1.808.815.51 m; Y: 605.377,89 m;
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động vận chuyển than. Tọa độ X: 1.808.518,72 m; Y: 605.428,27 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung tại trong nhà xưởng làm việc đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Cụ thể như sau:

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	94	88	QCVN 24/2016/BYT	06 tháng/lần, theo cam kết của Chủ Dự án
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	3,9	2,0	QCVN 27/2016/BYT	

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung tại khu vực sân bãi và xung quanh Dự án: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	06 tháng/lần, theo cam kết của Chủ Dự án
2	Độ rung	m/s ²	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Dự án có mức độ cơ giới hóa cao, nhiều thiết bị và được bố trí tập trung. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn chủ yếu là kết hợp giữa giảm thiểu nguồn phát sinh tiếng ồn và ngăn chặn phát triển tiếng ồn, giảm nhẹ ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh. Các biện pháp chủ yếu được áp dụng và thực hiện như sau:

- Về mặt lựa chọn thiết bị: các thiết bị lớn lựa chọn thiết bị tiên tiến, có độ ồn thấp nhập khẩu của nước ngoài.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Lắp ống giảm thanh cho các máy phát điện và các thiết bị gây ồn.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị đã được đăng kiểm đảm bảo tiêu chuẩn, hoạt động đúng công suất, thường xuyên kiểm tra bảo trì thiết bị. Không sử dụng các máy móc, thiết bị đã quá niên hạn sử dụng.

- Tuyên truyền và hướng dẫn các công nhân xây dựng thực hiện tốt công tác bảo vệ lao động và kỹ thuật an toàn.

- Về kết cấu bao che: thiết kế đều bố trí các thiết bị có độ ồn lớn vào trong nhà, lợi dụng công trình kiến trúc bao che để cách âm. Độ giảm tiếng ồn tổng hợp của công trình kiến trúc bao che có thể đạt đến 35dB (A) trở lên.

- Thường xuyên bảo dưỡng và bôi trơn các máy móc, dụng cụ.

- Luân phiên công nhân làm việc tại những nguồn phát sinh tiếng ồn. Sử dụng các bông nút tai cách âm cho công nhân khi làm việc cạnh các thiết bị có độ ồn cao. Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân và có chế độ làm việc, bồi dưỡng thích hợp với công nhân thường xuyên phải tiếp xúc trực tiếp với những nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Xung quanh Kho bãi tổ chức trồng cây xanh vừa đảm bảo ngăn bụi và tạo cảnh quan môi trường vừa có thể giảm được một phần sự lan truyền tiếng ồn.

- Chống rung cho các máy móc, thiết bị, công trình trên Kho bãi:
- + Lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn (trạm biến áp, máy bơm nước, thiết bị băng tải,...).
- + Thiết kế lắp đặt, vận hành các máy móc, thiết bị theo đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Dự án.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Kho bãi tập kết hàng hoá thôn A Đeng, xã A Ngo, huyện Đakrông
(nay là xã La Lay, tỉnh Quảng Trị)

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 197/GPMT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	3 kg/tháng
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	20 01 21	2 kg/tháng
3	Dầu mỡ thải bỏ	Lỏng	13 02 06	5 kg/tháng
4	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04	5 kg/tháng
5	Bùn thải nhiễm dầu từ bể lọc dầu	Lỏng	19 07 01	5 kg/tháng
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Lon nhựa, vỏ hộp dính dầu)	Rắn	18 01 03	5 kg/tháng
	Tổng			25 kg/tháng

- Tổng khối lượng: CTNH ước tính phát sinh khoảng 25 kg/tháng.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy và bao bì carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	5-10
2	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	19 08 12	30-60

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Dự án khoảng 35-70 kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: tối đa khoảng 142,8 kg/ngày.

- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và lưu giữ theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Dự án sẽ bố trí 06 thùng 60L có nhãn dán chất thải nguy hại, để lưu giữ tạm thời từng loại chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực Dự án.

- Chất thải nguy hại sẽ xây dựng kho chứa CTNH với diện tích 20 m² bố trí tại khu vực Trung tâm điều hành của Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Trong quá trình sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị dầu mỡ sẽ được thu gom đưa về kho chất thải nguy hại, tránh thất thoát ra môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.
- Thực hiện thu gom chất thải sinh hoạt vào các thùng chứa đặt tại các khu vực nhà điều hành, nhà ăn và nhà ở để công nhân có thể vứt rác vào thùng, tiện thu gom. Số lượng thùng thu gom: 20 thùng đựng rác di động (nhựa PE), thể tích thùng 25 lít, 60 lít, 120 lít.
- Lập nội quy vệ sinh, giáo dục công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, tránh việc vứt rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan khu vực.
- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton... sẽ được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.
- Hợp đồng với chính quyền địa phương định kỳ vận chuyển đến Lò đốt CTR sinh hoạt tại cụm xã Tà Rụt, La Lay, tỉnh Quảng Trị.

** Đối với chất thải công nghiệp thông thường :*

Chất thải rắn công nghiệp bao gồm sắt thép phế liệu từ hoạt động sửa chữa, thay thế các linh kiện, thiết bị tại băng chuyền... với khối lượng phát sinh khoảng 9 tấn/năm và vải bạt che phủ bãi than thải bỏ với khối lượng phát sinh khoảng 01 tấn/năm.

- Đối với bùn than được nạo vét từ các cống, rãnh thoát nước, hồ thu và hồ môi trường: Công ty thực hiện biện pháp nạo vét định kỳ, thu gom tại mặt bằng và định kỳ hợp đồng với Đơn vị chức năng thu gom, đưa đi xử lý.

- Đối với các thiết bị máy móc, vật tư (sắt thép phế liệu, bạt che phủ...) cần thay thế, sửa chữa: thực hiện thu gom và bố trí kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp tại khu vực kho than và định hợp đồng thanh lý, nhượng bán sắt thép phế liệu cho cơ sở trên địa bàn.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố về cháy nổ

- Lập hồ sơ, thẩm định công tác PCCC tại Kho bãi theo quy định tại Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

- Bố trí các thiết bị chữa cháy theo quy định tại những nơi dễ thấy, dễ cháy gồm: bình chữa cháy CO₂, bể cát chữa cháy, hệ thống vòi phun nước....

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động nhằm phát hiện và thông báo địa điểm cháy bằng các tín hiệu, chỉ thị cháy chính xác, rõ ràng như chuông hay đèn báo để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Xây dựng hệ thống PCCC cho công trình bao gồm: Xây dựng 04 bể chứa PCCC kết hợp trạm bơm tại khu vực.

- Lắp đặt các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy ở các vị trí đông người qua lại để tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực hiện phòng chữa cháy cho mọi người.

- Quy hoạch các hạng mục công trình bảo đảm khoảng cách hợp lý, để các phương tiện chữa cháy có thể thao tác dễ dàng, tránh xảy ra tình trạng cháy lan.

- Hệ thống chống sét: Lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình trên toàn khu vực. Lắp đặt hệ thống chống sét cho các vị trí cao trong công trình. Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ (theo quy định 76 VT/QĐ ngày 02/3/1983 của Bộ nội vụ) nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của kho bãi tập kết.

Thiết bị thu sét và tiếp địa bao gồm: Bộ phận thu sét độc lập được trang bị cho các thiết bị bên ngoài nhà. Hệ thống tiếp địa tổng hợp được dùng cho cả tiếp đất làm việc và tiếp đất bảo vệ trong phòng điện. Điện trở tiếp đất không vượt quá 30 Ω. Điện trở tiếp đất làm việc của hệ thống máy tính PLC theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất.

- Khi xảy ra sự cố, phải báo ngay cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng được biết để xử lý kịp thời.

2. Phòng ngừa sự cố sạt lở

Để đảm bảo hoạt động, nền dự án đã được đầm nén chặt theo yêu cầu kỹ thuật, tính toán đảm bảo xây dựng, lắp đặt các dây chuyền máy móc hoạt động. Ngoài ra, hệ thống rãnh thoát nước cùng với việc trồng cây xanh quanh khuôn viên cũng hạn chế được sự rửa trôi nên hiện tượng sạt lở lún đất sẽ được hạn chế.

- Thiết kế mái taluy đào có độ dốc 1:1-1,75, giạt cơ cao từ 6-12m, bề rộng cơ từ 1-3m, hướng dốc từ 5-10% về phía rãnh cơ. Bố trí dốc nước thu nước từ rãnh cơ chảy về các rãnh dọc tuyến đường. Trên mái taluy trồng cỏ, cây bụi,... để gia cố chống xói lở bề mặt, đất đá sạt lở.

- Xây dựng các mái taluy, kè chắn cộng với xây dựng hệ thống mương chắn nước tại khu vực phía Đông và phía Bắc của khu vực, ngăn nước chảy vào dự án.
- Xây dựng các tường bao xung quanh các bãi chứa than.
- Kiểm tra hệ thống rãnh thoát nước, các khu vực có nguy cơ sạt lở, kiểm tra công trình mái taluy để đảm bảo sửa chữa kịp thời, không để tình trạng sạt lở gây ô nhiễm môi trường.
- Để giảm thiểu, hạn chế tối đa ảnh hưởng do thiên tai gây ra cần áp dụng một số biện pháp như sau:
 - + Thường xuyên theo dõi tình hình của bão để có thể chủ động đưa ra các phương án phòng chống, gia cố các hạng mục công trình đang thi công.
 - + Khi sự cố xảy ra phải tổ chức trực ban 24/24 theo dõi tình hình để kịp thời ứng phó.

3. Phòng ngừa sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải

Để hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định, đạt hiệu quả xử lý nước thải cao và hạn chế sự cố của hệ thống, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng hệ thống đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo công suất xử lý đã được phê duyệt.
- Tuyển dụng đội ngũ kỹ sư, nhân viên vận hành hệ thống XLNT đáp ứng được trình độ chuyên môn. Đặc biệt thường xuyên giám sát tình hình để kịp thời điều chỉnh chế độ vận hành nếu gặp sự cố trực trực.
- Tiến hành bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ cho các máy móc thiết bị, bảo dưỡng các bể xử lý như tiến hành quét hồ chống thấm, quét sơn để chống rỉ các đường ống, lan can, tra dầu mỡ các van... đảm bảo cho hệ thống được sạch sẽ, ngăn nắp.
- Đảm bảo kinh phí cho vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục và ổn định. Hệ thống xử lý nước thải được bố trí nguồn phát điện dự phòng. Thiết kế, xây dựng, vận hành với đầy đủ các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục sự cố. Quản lý, giám sát chặt chẽ, phát hiện, ứng phó tại chỗ và thông báo kịp thời cho các đơn vị chức năng để phối hợp giải quyết.
- Cán bộ vận hành hệ thống xử lý có trách nhiệm kiểm tra, giám sát lượng nước thải vào và ra, khi có sự cố khoá đường ống xả thải không cho nước thải ra môi trường. Trong trường hợp nước thải xử lý chưa đảm bảo, toàn bộ nước thải được bơm đưa về bể gom ban đầu. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành lấy mẫu kiểm tra, đối chứng đảm bảo nước thải của Dự án sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện Chương trình quan trắc theo Phụ lục 1.

2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ dự án

2.1. Quan trắc môi trường không khí và tiếng ồn

- Số lượng, vị trí quan trắc: 02 vị trí.

+ 01 vị trí tại điểm giao giữa tuyến đường Quốc lộ 15D với tuyến đường vào khu vực Dự án;

+ 01 vị trí tại tuyến đường Quốc lộ 15D đoạn đi qua cụm dân cư thôn A Đeng, xã La Lay, tỉnh Quảng Trị.

- Thông số giám sát: Độ ồn, độ rung, độ bụi.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2.2. Quan trắc môi trường không khí vùng làm việc:

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại khu vực kho bãi trong nhà;

+ 01 vị trí tại khu vực nhà trung tâm điều hành.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số quan trắc: Độ ồn, độ rung, độ bụi.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 50 yếu tố hóa học nơi làm việc.

2.3. Quan trắc chất thải rắn

- Thông số quan trắc: Tổng lượng thải, CTR, CTNH.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Vị trí quan trắc: Kho lưu chứa chất thải.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Dự án: Kho bãi tập kết hàng hoá thôn A Đeng, xã A Ngo, huyện Đakrông
(nay là xã La Lay, tỉnh Quảng Trị)**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 197/GPMT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ thu gom, xử lý các nguồn nước thải, bụi, khí thải đảm bảo quy định; thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo không để chất thải không được xử lý xả thải ra môi trường, ảnh hưởng đến người dân.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).

3. Xử lý nước thải đảm bảo QCVN trước khi thải ra môi trường. Thực hiện các giải pháp bổ sung để hạn chế bụi, khí thải trong quá trình sản xuất, đảm bảo không ảnh hưởng đến người dân xung quanh khu vực và sức khỏe của người lao động trong dự án.

4. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên Dự án trong suốt quá trình hoạt động.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01

của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2, 3 và 4 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường do Chủ Dự án cung cấp; Chủ Dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.